TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀN KIẾM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **11**/2023/DS-ST
Ngày: 17/4/2023
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phan Lan Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Ngọc Thịnh**
Bà Đào Phương Mai

- Thư ký phiên tòa: **Ông Tô Việt Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Hiền** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở: Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2022/TLST-DS ngày 21/10/2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST – DS ngày 21 tháng 3 năm 2023. giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S(S)**

Địa chỉ trụ sở: 266-268 N, Phường 8, Quận 3, Thành phố H.

Địa chỉ chi nhánh: Ngân hàng TMCP S(S) - chi nhánh Thủ đô ; Số 88 L, phường C, quận H, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Uy quyền cho: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S(Công ty SBA).

Đại diện theo pháp luật của Công ty SBA: Ông Lê Ngọc T – Chức vụ: Tổng giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ – PL ngày 12/10/2022).

Ủy quyền lại: Ông Trần Đại L – Nhân viên Công ty SBA (Theo Giấy ủy quyền số 669/2022/UQ- TGĐ ngày 01/11/2022); ông Nguyễn Thanh H - Nhân viên Công ty SBA (Theo Giấy ủy quyền số 596/2023/UQ- TGĐ ngày 23/3/2023) .

(Ông L vắng mặt, ông H có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thùy L**, sinh năm 1984

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9 H, phường H, quận H, thành phố H.

Nơi ở: Số 1 ngách 38/57 N, phường V, quận Đ, Thành phố H.

(Bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

<u>Tại Đơn khởi kiện ngày 14/07/2021 và quá trình giải quyết vụ án - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:</u>

Ngày 18/05/2017, Bà L có ký với Ngân hàng TMCP S– chi nhánh Thủ Đô – PGD Đồng Xuân (gọi tắt là Ngân hàng S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Bà L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ Visa Credit Classic số thẻ 472074 - 4804 với hạn mức sử dụng là **30.000.000** đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là **650.931.482** đ.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền **623.237.000** đ (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau) .

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/09/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng S đề nghị Tòa án:

1. Buộc bà Nguyễn Thùy L phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền là 78.728.811 đồng.

2. Bà Nguyễn Thùy L phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 17/4/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

3. Buộc bà Nguyễn Thùy L phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng (nếu có).

<u>Bị đơn: Bà Nguyễn Thùy L:</u> Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án cho bà L theo quy định của pháp luật, nhưng bà L không đến Tòa án, không trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu tại đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc bị đơn- Bà Nguyễn Thùy L phải trả số tiền gốc và lãi theo hợp đồng đã ký với số tiền tạm tính đến ngày 17/4/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là: **78.992.399** đ (bằng chữ: Bảy mươi tám triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm chín chín đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc: **35.159.386** đ; Lãi quá hạn: **43.833.013** đ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thùy L tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký giữa hai bên kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Bà Nguyễn Thùy L phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn: Vắng mặt, không trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bà Nguyễn Thùy L vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, Thông báo, Quyết định hợp lệ. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1, tại phiên tòa lần 2 bà L vắng mặt không có lí do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thùy L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiệu giải quyết vụ án: Vụ án vẫn còn thời hiệu.

Về nội dung vụ án: Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) được ký kết giữa bà L và Ngân hàng S – chi nhánh Thủ Đô – PGD Đồng Xuân là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của luật các tổ chức tín dụng do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết theo hợp đồng đã ký nên Ngân hàng S đã có đơn khởi kiện yêu cầu bà L trả nợ số tiền nợ gốc, nợ lãi là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[I]. **Về tố tụng**:

1. *Về quan hệ pháp luật*:

Ngân hàng S khởi kiện bà Nguyễn Thùy L yêu cầu Tòa án tuyên bà L phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký giữa S và bà L. Số tiền tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên do đó quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (gọi tắt là BLTTDS năm 2015).

2. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thùy L có ký kết hợp đồng thẻ tín dụng với Ngân hàng S – chi nhánh Thủ Đô – PGD Đồng Xuân, có địa chỉ tại: Số 88 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm là nơi phát sinh hoạt động của

chi nhánh giải quyết. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 BLTTDS năm 2015.

3. *Về thời hiện khởi kiện*:

Ngân hàng S và bà Nguyễn Thùy L ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 18/5/2017, thẻ tín dụng số 472074 - 4804. Quá trình sử dụng thẻ, bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 31/8/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngày 14/7/2021 Ngân hàng S nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

4. Về thủ tục tố tụng:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xác minh tại công an phường cung cấp bà Nguyễn Thùy L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9 Hàng Nón, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và nơi ở: Số 1 ngách 38/57 Ngô Sĩ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Hiện bà L đã chuyển đi nơi khác từ lâu, không biết đi đâu, không thông báo với công an phường địa chỉ nơi cũng không thông báo nơi cư trú mới cho nguyên đơn là thuộc trường hợp "cố tình giấu địa chỉ" theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của của BLTTDS năm 2015, quy định:

Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung".

Và xác định địa chỉ: Số 1 ngách 38/57 Ngô Sĩ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội là địa chỉ cư trú cuối cùng của bà L theo quy định tại khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 Điều 192 của của BLTTDS năm 2015.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các Thông báo, Quyết định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để triệu tập đương sự nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do tại tất cả các buổi làm việc của Toà án.

Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 08h30 ngày 21/3/2023 nhưng bị đơn bà L vắng mặt không có lý do. Tòa án đã có Quyết định hoãn phiên tòa và thông báo tiếp tục phiên tòa vào hồi 14h00' ngày 17/4/2023. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thùy L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của BLTTDS năm 2015.

[II]. **Về nội dung vụ án**:

1. ***Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:***

Ngày 18/05/2017, Bà L có ký với Ngân hàng TMCP S– chi nhánh Thủ Đô – PGD Đồng Xuân (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Bà L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ Visa Credit Classic số thẻ 472074 - 4804 với hạn mức sử dụng là **30.000.000** đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L không có mặt, không có lời khai liên quan đến tranh chấp mà Ngân hàng đang khởi kiện. Tuy nhiên, từ những tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy việc ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, đúng chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng nên Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là **650.931.482** đ.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền **623.237.000** đ (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau)
.

Đối chiếu với khoản nợ theo hạn mức sử dụng và số tiền nợ gốc bà L đã trả, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Quyết định về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S phát hành tại Việt Nam số 2399/2019/QĐ – TTT ngày 06/8/2019, các bên thỏa thuận lãi suất thẻ tín dụng nội địa cấp cho cá nhân là 2,5 %/ tháng, lãi suất năm là 30%. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 01/09/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và lãi suất thẻ tín dụng nội địa cấp cho cá nhân thay đổi và được tính là 2,6%/ năm, lãi suất năm là 31,2%/ năm. Lãi suất quá hạn được tính từ ngày 01/09/2020 và được tính bằng công thức: (tiền nợ gốc x 2,6%/ năm x 150%)/ 30 nhân với số ngày của tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận lãi suất là sự tự nguyện của các bên, số tiền lãi trong hạn và quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc, thời gian quá hạn nhân với lãi suất vay theo đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận lãi suất của các bên tại Hợp đồng và các quyết định về mức lãi suất từng thời điểm của Ngân hàng thể hiện tại bảng tính tổng hợp gốc, lãi. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà L thanh toán số tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc trên là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bà L tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký giữa hai bên kể

từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. ***Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm:*** Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

3. ***Về án phí và quyền kháng cáo:***

Bị đơn bà Nguyễn Thùy L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 74; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 117; Điều 149, Điều 223 - Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 - Luật phí và lệ phí 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1.2, điểm e khoản 1.4 Điều 1 Mục II - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng S đối với bà Nguyễn Thùy L.

2. Buộc bà Nguyễn Thùy L phải trả cho Ngân hàng S số tiền nợ gốc, nợ lãi của Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), số thẻ Visa Credit Classic 472074 – 4804 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/4/2023) là: **78.992.399** đ (Bằng chữ: Bảy mươi tám triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm chín chín đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc: **35.159.386** đ; Nợ lãi quá hạn: **43.833.013** đ;

Ngoài số tiền nêu trên, bà Nguyễn Thùy L tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký giữa hai bên kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thùy L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là: 3.950.000 đ (Bằng chữ: Ba triệu, chín trăm, năm mươi nghìn đồng).

Ngân hàng S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000 đ (Bằng chữ: Một triệu hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số: AA/2020/0051918 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt: Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S. Vắng mặt bị đơn: Bà Nguyễn Thùy L.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TANDTP Hà Nội;*
- *VKSND Q.Hoàn Kiếm;*
- *Chi cục THADS Q Hoàn Kiếm;*
- *Cơ quan cấp ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Lan Hương